

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ GIÁO  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2023/HS-ST**  
Ngày 10/8/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Nguyễn Minh Quân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh Đình Phương - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2023/TLST - HS ngày 08 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1986 tại Bình Dương; nơi cư trú: **Khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn S** (đã chết) và bà **Huỳnh Thị G**, sinh năm 1939; bị cáo vợ **Vũ Thị M**, sinh năm 1989 (đã ly hôn) có 04 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/12/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 194/2014/HSST. Ngày 12/5/2015 chấp hành xong tại **Trại giam A3** (đã xóa án tích) .

Ngày 13/11/2019, bị **Công an huyện P** xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 11/12/2019, chấp hành xong quyết định xử phạt.

Ngày 08/12/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm tù về tội “Đánh bạc” theo bản án số 114/HSST. Bị cáo **L** kháng cáo, đang chờ xét xử phúc thẩm.

Bị cáo **Nguyễn Văn L** đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 26/3/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đoàn Thị B**, sinh năm 1976 tại Bình Dương; nơi cư trú: **Khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đoàn Văn H** (đã chết) và bà **Đỗ Thị T** (đã chết); bị cáo có chồng tên **Trần Văn N**, sinh năm 1970, có 02 người con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2000; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 06/11/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Gá bạc” theo Bản án số 35/HSST (đã xóa án tích).

Bị cáo **Đoàn Thị B** bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 26/3/2023 đến ngày 02/4/2023 được trả tự do, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Lê Thị N1**, sinh năm 1970 tại Bình Dương; nơi cư trú: **Khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Văn B1** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị T1** (đã chết); bị cáo có chồng tên **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1968, có 03 người con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2003; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/5/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xử phạt 05 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 25/HSST (đã xóa án tích).

Bị cáo **Lê Thị N1** bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 26/3/2023 đến ngày 02/4/2023 được trả tự do. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Thị O**, sinh năm 2000 tại Bình Dương; nơi cư trú: **Khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1968 và bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1970; bị cáo có chồng tên **Nguyễn Văn L2**, sinh năm 1994, có 02 người con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo **Nguyễn Thị O** đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 26/3/2023 đến ngày 02/4/2023 được trả tự do, Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Thị Thu T3**, sinh năm 1994 tại Bến Tre; nơi cư trú: **Khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Thành T4**, sinh năm 1976 và bà **Võ Thị Ngọc T5**, sinh năm 1974;

bị cáo có chồng tên **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1991, có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo **Nguyễn Thị Thu T3** bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 26/3/2023 đến ngày 02/4/2023 được trả tự do. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Trần Thị Thu N2**, sinh năm 1991 tại **Bình Dương**; HKTT: **Áp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương**. Nơi ở hiện nay: **Khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: **Cắt tóc**; trình độ văn hoá: **8/12**; dân tộc: **Kinh**; giới tính: **Nữ**; tôn giáo: **Không**; quốc tịch: **Việt Nam**; con ông **Trần Văn A** (đã chết) và bà **Đỗ Thị L3**, sinh năm 1964; bị cáo có chồng **Nguyễn Minh P**, sinh năm 1984; bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo **Trần Thị Thu N2** tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Trần Thị Thu A1**, sinh năm 1984 tại **Bình Dương**; nơi cư trú: **Khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: **Buôn bán**; trình độ văn hoá: **5/12**; dân tộc: **Kinh**; giới tính: **Nữ**; tôn giáo: **Không**; quốc tịch: **Việt Nam**; con ông **Trần Văn A** (đã chết) và bà **Đỗ Thị L3**, sinh năm 1964; bị cáo có chồng **Ngô Tuấn A2**, sinh năm 1991; bị cáo có 01 người con, sinh năm 2022; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Nguyễn Văn B2**, sinh năm 1975 tại **Trà Vinh**; HKTT: **Áp N, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh**. Nơi ở hiện nay: **Khu phố I, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương**; nghề nghiệp: **Làm thuê**; trình độ văn hóa: **5/12**; dân tộc: **Kinh**; giới tính: **Nam**; tôn giáo: **Không**; quốc tịch: **Việt Nam**; con ông **Nguyễn Văn B3** (đã chết) và bà **Kiều Thị T6**, sinh năm 1940; bị cáo có vợ **Đào Thị Mỹ D**, sinh năm 1981 (ly hôn); bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2012, tiền án: Không; tiền sự: Không

Bị cáo **Nguyễn Văn B2** bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 26/3/2023 đến ngày 02/4/2023 được trả tự do. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông **Phạm Văn S1**, sinh năm 1986. Nơi cư trú: **Khu phố C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương**. Vắng mặt.

2/ Bà **Ninh Thị Kim L4**, sinh năm 1994. Nơi cư trú: **Áp Đ, xã T, huyện P, Bình Dương**. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 26/3/2023, **Phạm Văn S1** đến nhà **Trần Thị Thu A1** tại KP8, **TT. P, huyện P** để chơi. Tại đây **S1** nhặt được 01 bộ lặc tài xỉu tại công

nhà Thu A1, lúc này có Đoàn Thị B, Trần Thị Thu N2, Nguyễn Thị Thu T3 và Ninh Thị Kim L4 (đều là hàng xóm gần nhà Thu A1) cũng có mặt tại đây. S1 xin Thu A1 cho lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền với B, N2, T3 và L4 tại nhà Thu A1 thì Thu A1 đồng ý (Thu A1 không thu tiền xâu mà chỉ để bán nước ngọt). Lúc này S1 làm cái lắc tài xỉu còn B, N2, Thảo L5 tham gia đặt tiền, số tiền mỗi ván đặt từ 10.000 đồng đến 200.000 đồng. S1 làm cái lắc tài xỉu được 03 ván thì nhà có việc nên nghỉ đi về trước (lúc này S1 mang theo số tiền 500.000 đồng và thắng được 650.000 đồng, B mang theo số tiền 400.000 đồng và thua 300.000 đồng còn lại 100.000 đồng, N2 mang theo số tiền 250.000 đồng và thua 200.000 đồng còn lại 50.000 đồng, L5 mang theo 150.000 đồng đánh bạc thua hết số tiền này nên không tham gia đánh bạc ngay khi S1 bỏ về).

Khi S1 đứng lên về thì ngay lúc này các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn B2, Lê Thị N1 và Nguyễn Thị O (đều là hàng xóm gần nhà Thu A1) đến nhà Thu A1 tham gia đánh bạc. L vào làm lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền với các bị cáo gồm: Bông, N2, T3, B2, N1 và O, (do Ninh Thị Kim L4 thua hết tiền nên không tham gia đánh bạc với L mà ngồi xem các bị cáo khác đánh bạc), mỗi ván các con bạc đặt số tiền từ 10.000 đồng đến 200.000 đồng. Đến khoảng 11 giờ 45 phút, khi các con bạc đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an thị trấn P bắt quả tang. (BL 22-55, 78-117, 228-258)

Tang vật thu giữ gồm:

- Số tiền 400.000 đồng thu tại chiếu bạc;
- 01 bộ lắc tài xỉu gồm: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 nắp nhựa màu vàng được quấn băng keo màu đen, 03 hột xí ngẫu.
- Thu giữ số tiền dùng để đánh bạc trên người các con bạc gồm: Nguyễn Văn L: 7.500.000 đồng, Đoàn Thị B: 450.000 đồng, Lê Thị N1: 650.000 đồng, Nguyễn Thị Thu T3: 150.000 đồng, Nguyễn Văn B2: 130.000 đồng.
- Ngoài ra Phạm Văn S1 đã giao nộp lại số tiền dùng để đánh bạc là 1.150.000 đồng (do S1 mang theo số tiền 500.000 đồng và thắng được số tiền 650.000 đồng).

Qua điều tra xác định các con bạc mang theo số tiền dùng để đánh bạc như sau:

- Nguyễn Văn L mang theo số tiền 8.000.000 đồng;
- Đoàn Thị B mang theo số tiền 400.000 đồng;
- Trần Thị Thu N2 mang theo số tiền 250.000 đồng;
- Nguyễn Thị Thu T3 mang theo số tiền 150.000 đồng;
- Nguyễn Văn B2 mang theo số tiền 230.000 đồng;
- Lê Thị N1 mang theo số tiền 650.000 đồng;
- Nguyễn Thị O mang theo số tiền 110.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo: Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn B2, Lê Thị N1 và Nguyễn Thị O là 9.140.000 đồng và tổng số tiền

dùng để đánh bạc của Đoàn Thị B, Trần Thị Thu N2, Nguyễn Thị Thu T3 là 10.440.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 62/CT-VKSPG ngày 07/6/2023 truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Đoàn Thị B, Lê Thị N1, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Thu T3, Trần Thị Thu N2, Trần Thị Thu A1, Nguyễn Văn B2 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn L, Đoàn Thị B, Lê Thị N1, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Thu T3, Trần Thị Thu N2, Trần Thị Thu A1, Nguyễn Văn B2 trình bày:

Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 26/3/2023, tại nhà của bị cáo Trần Thị Thu A1 thuộc khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Các bị cáo đã có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền bằng hình thức chơi “Tài xỉu” thì bị Công an phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc của các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn B2, Lê Thị N1 và Nguyễn Thị O là 9.140.000 đồng và tổng số tiền dùng để đánh bạc Đoàn Thị B, Trần Thị Thu N2, Nguyễn Thị Thu T3 là 10.440.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn L, Đoàn Thị B, Lê Thị N1, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Thu T3, Trần Thị Thu N2, Trần Thị Thu A1, Nguyễn Văn B2 phạm tội “Đánh bạc” và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Thị B từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị N1 từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị O từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T3 từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Thu N2 từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Thị Thu A1** từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn B2** từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

Hình phạt bổ sung: Không.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX tuyên:

+ Tịch thu tiêu huỷ: 01 bộ lặc tài xỉu gồm: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 nắp nhựa màu vàng được quấn băng keo màu đen, 03 hột xí ngầu.

+ Sung vào ngân sách Nhà nước: 10.440.000 đồng.

Trong phần tranh luận các bị cáo **Nguyễn Văn L**, **Đoàn Thị B**, **Lê Thị N1**, **Nguyễn Thị O**, **Nguyễn Thị Thu T3**, **Trần Thị Thu N2**, **Trần Thị Thu A1**, **Nguyễn Văn B2** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thống nhất tội danh, mức hình phạt, không tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo **Nguyễn Văn L**, **Đoàn Thị B**, **Lê Thị N1**, **Nguyễn Thị O**, **Nguyễn Thị Thu T3**, **Trần Thị Thu N2**, **Trần Thị Thu A1**, **Nguyễn Văn B2**: Các bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, các bị cáo ăn năn hối cải nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện P**, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Văn S1** và bà **Ninh Thị Kim L4** vắng mặt tại phiên toà. Xét thấy, trong quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã cung cấp lời khai và sự vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử nên HĐXX căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên toà.

[3] Nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn L, Đoàn Thị B, Lê Thị N1, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Thu T3, Trần Thị Thu N2, Trần Thị Thu A1, Nguyễn Văn B2 khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 26/3/2023, tại nhà của bị cáo Trần Thị Thu A1 thuộc khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Các bị cáo đã có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền bằng hình thức chơi “Tài xỉu” thì bị Công an phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền dùng để đánh bạc của các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn B2, Lê Thị N1 và Nguyễn Thị O là 9.140.000 đồng và tổng số tiền dùng để đánh bạc của các bị cáo Đoàn Thị B, Trần Thị Thu N2, Nguyễn Thị Thu T3 là 10.440.000 đồng.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tang vật của vụ án và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Văn L, Đoàn Thị B, Lê Thị N1, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Thu T3, Trần Thị Thu N2, Trần Thị Thu A1, Nguyễn Văn B2 phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng số 62/CT-VKSPG ngày 07/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 của Bộ luật Hình sự.

Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tổng số tiền dùng để đánh bạc của các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn B2, Lê Thị N1 và Nguyễn Thị O là 9.140.000 đồng và tổng số tiền dùng để đánh bạc của các bị cáo Đoàn Thị B, Trần Thị Thu N2, Nguyễn Thị Thu T3 là 10.440.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Hành vi đánh bạc là một tệ nạn xã hội, xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội. Bản thân các bị cáo là những người có sức khỏe, có gia đình và công việc ổn định, lẽ ra các bị cáo phải biết chăm lo làm ăn nuôi sống bản thân và gia đình nhưng các bị cáo lại phạm tội. Hành vi của các bị cáo không những ảnh hưởng đến an ninh trật tự ở địa phương mà còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Vì vậy, HĐXX thấy cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

HĐXX xét thấy, đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội với vai trò là chủ mưu thực hiện các bị cáo khác vào tham gia đánh bạc, vai trò là người thực hành tích cực, bị cáo Trần Thị Thu A1 biết và cho các bị cáo khác đánh bạc thắng thua bằng tiền tại nhà mình nhằm mục đích bán nước ngọt cho

các con bạc, do đó hành vi của **Trần Thị Thu A1** đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm với vai trò đồng phạm giúp sức.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo **Nguyễn Thị O**, **Nguyễn Thị Thu T3**, **Trần Thị Thu N2**, **Trần Thị Thu A1**, **Nguyễn Văn B2** phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo **N2**, bị cáo **Thu A1** có ông ngoại **Đoàn Văn H** là người có công với cách mạng được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo **Nguyễn Văn L** có nhân thân xấu đã từng bị phạt tù về tội “cố ý gây thương tích”, bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, bị Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm tù về “đánh bạc”, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm bị cáo lại phạm tội mới. Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo **Lê Thị N1** thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Do đó, HĐXX quyết định cách ly bị cáo **L**, bị cáo **N1** ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục răn đe các bị cáo và nêu gương phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét thấy, các bị cáo **Nguyễn Thị O**, **Nguyễn Thị Thu T3**, **Trần Thị Thu N2**, **Trần Thị Thu A1**, **Nguyễn Văn B2** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, ngoài ra, các bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nên HĐXX quyết định cho bị cáo được hưởng hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo bị cáo, khuyến khích bị cáo tự tu dưỡng và lao động tại cộng đồng với sự giúp đỡ của gia đình và xã hội.



Đối với bị cáo **Đoàn Thị B** xét thấy chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo từng bị xử phạt về tội “gá bạc” theo Bản án số 35/2007/HSST ngày 06 tháng 11 năm 2007 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, tuy nhiên lần phạm tội này bị cáo đã được xóa án tích, bị cáo **B** nhận thức kém do không biết chữ, bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có cha **Đoàn Văn H** là người có công với cách mạng nên hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Căn cứ Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. ĐXX xét thấy bị cáo **B** đủ điều kiện được hưởng hình phạt tù có điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi đánh bạc của đối tượng **Phạm Văn S1** và **Ninh Thị Kim L4**, quá trình điều tra xác định thời điểm đối tượng **S1** và **L4** tham gia đánh bạc cùng các bị cáo **Đoàn Thị B**, **Trần Thị Thu N2**, **Nguyễn Thị Thu T3** thì tổng số tiền dùng để đánh bạc là 1.450.000 đồng và trước đó **S1** và **L4** không có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc hay tổ chức đánh bạc. Do đó, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với **S1** và **L4**, **Công an huyện P** đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 35, 36 ngày 22/5/2023, mức phạt 1.500.000 đồng đối với **S1** và **L4** về hành vi đánh bạc nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên HĐXX chấp nhận

[6] Ý kiến, lời nói sau cùng của các bị cáo về tội danh, về hình phạt là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Xét điều kiện, nhân thân của các bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ 01 bộ lặc tài xiủ gồm: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 nắp nhựa màu vàng được quấn băng keo màu đen, 03 hột xí ngầu, đây là công cụ dùng vào việc phạm tội nên HĐXX xét cần tịch thu tiêu huỷ.

+ Số tiền 10.440.000 đồng (thu tại chiếu bạc; số tiền thu giữa trên người các bị cáo và số tiền **Phạm Văn S1** giao nộp lại) đây là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên HĐXX xét thấy cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### 1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn L**, **Đoàn Thị B**, **Lê Thị N1**, **Nguyễn Thị O**, **Nguyễn Thị Thu T3**, **Trần Thị Thu N2**, **Trần Thị Thu A1**, **Nguyễn Văn B2** phạm tội “Đánh bạc”.

### 2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

2.1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L** 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 26/3/2023.

### 2.2. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

- Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo **Đoàn Thị B** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án (10/8/2023).

Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân thị trấn P**, **huyện P**, **tỉnh Bình Dương** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.3. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Lê Thị N1** 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/3/2023 đến ngày 02/4/2023.

2.4. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

- Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị O** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (10/8/2023).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.5. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

- Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu T3** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (10/8/2023).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.6. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

- Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu N2 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (10/8/2023).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.7. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

- Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Thu A1** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (10/8/2023).

Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.8. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 65, Điều 58, của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

- Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn B2** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (10/8/2023).

Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương** giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: Số tiền 10.440.000 đồng (mười triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 bộ lặc tài xiù gồm: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 nắp nhựa màu vàng được quấn băng keo màu đen, 03 hộp xí ngầu.

(Theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo ngày 08/6/2023 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/6/2023 giữa Cơ quan CSĐT **Công an huyện P** với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn L, Đoàn Thị B, Lê Thị N1, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Thu T3, Trần Thị Thu N2, Trần Thị Thu A1, Nguyễn Văn B2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND huyện Phú Giáo; (1)
- Công an huyện Phú Giáo; (2)
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo; (1)
- Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; (1)
- Những người tham gia tố tụng; (10)
- Lưu hồ sơ, VP. (2)

**Nguyễn Thị Hiền**